

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 358/2018/HSST
Ngày 27/12/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hữu Long;

- Ông Trương Vĩnh Mai;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Trần Tổ Lâm- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 342/2018/HSST, ngày 29 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 342/2018/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo:

01. Họ và tên: **VŨ VĂN B (T)**; Sinh năm 1997; tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 11/12; Con ông: Vũ Văn P và con bà Nguyễn Thị Thanh M; Bị cáo có vợ là Nguyễn Ngọc Bảo N và có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 02/8/2018, có mặt tại phiên tòa.

02. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN L**; Sinh năm 1988; tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn C, xã C1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Con ông Nguyễn Đình B và bà Dương Thị Đ; Bị cáo có vợ là Lê Thị Mai D và có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 10 tháng 10 năm 2018 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đại P- Giám đốc (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

01. Chị H' N Niê- Sinh năm 1988 (Có mặt);

Địa chỉ: Buôn E, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

02. Anh Phạm Văn T2 - Sinh năm 1985 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

03. Bà H' Y Mlô- Sinh năm 1976 (Có mặt);

Địa chỉ: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

04. Ông Đào Văn K- Sinh năm 1973 (Có mặt);

Địa chỉ: Đường B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

05. Ông Trần Tấn T1- Sinh năm 1964 (Có mặt);

Địa chỉ: Đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

06. Ông Nguyễn Hữu P- Sinh năm 1973 (Vắng mặt- Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Đường B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

07. Anh Nguyễn Văn T- Sinh năm 1989 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

- Người làm chứng:

01. Anh Vũ Quốc H- Sinh năm 1997 (Có mặt);

Địa chỉ: Đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

02. Anh Nguyễn H- Sinh năm 1996 (Có mặt);

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn B là người nghiện chất ma túy, để có tiền mua ma túy sử dụng B đã nảy sinh ý định đi trộm cắp xe mô tô, bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 19 giờ ngày 23/7/2018, Vũ Văn B một mình đi đến khu vực bãi giữ xe số 01 của Bệnh viện đa khoa vùng Tây nguyên (trước đây là Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk), để trộm cắp xe mô tô của người dân gửi tại đây. Sau khi quan sát thấy trong bãi giữ xe có nhiều xe mô tô, nhưng không thấy nhân viên trực tiếp trông giữ xe, B đi đến chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn trắng – đen, biển số XXX của anh Phạm Văn T2, đang dựng bằng chân chống nghiêng ở vị trí

khuất, rồi dùng chiếc chìa khoá xe mô tô của B (mang theo từ trước) lên lút mở ổ khoá điện của chiếc xe này để trộm cắp. Sau khi mở được ổ khoá điện của chiếc xe biển số XXX, B dắt xe ra ngoài gần cổng soát vé của bãi giữ xe và ngồi trên xe chờ nhân viên soát vé sơ hở để tẩu thoát. Lúc này, tại khu vực cổng soát vé có ông Đào Văn K, là nhân viên của bãi giữ xe đang soát vé cho khách. Khi thấy ông K không để ý, B liền nổ máy chiếc xe mô tô biển số XXX điều khiển chạy qua cổng soát vé ra ngoài đường Mai Hắc Đế, thành phố Buôn Ma Thuột, tẩu thoát. Sau đó, B điều khiển chiếc xe mô tô đến nhà Vũ Quốc H, là bạn bè quen biết từ trước với B, rủ H đi chơi tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà, thì H đồng ý và rủ bạn của H là Nguyễn H đi cùng. B điều khiển chiếc xe mô tô biển số XXX chở Huy, còn Hùng điều khiển chiếc xe mô tô biển số XXX1 cùng đi đến thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà. Đến ngày 27/7/2018, B cùng H, H đi về lại tỉnh Đắk Lắk và đến nhà nghỉ Thanh T, tại địa chỉ thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk thuê phòng ngủ lại. Sáng ngày 28/7/2018 tại nhà nghỉ Thanh T, B gặp Nguyễn Văn L và cầm cố chiếc xe mô tô biển số XXX cho L lấy số tiền 4.000.000 đồng. Khi cầm cố chiếc xe mô tô này cho L, B nói: Đây là xe của người yêu B để trong kho lâu ngày không sử dụng và không tìm thấy giấy tờ xe. Đồng thời, B viết 01 giấy cầm cố chiếc xe mô tô biển số XXX cho L với nội dung cam đoan chiếc xe có nguồn gốc hợp pháp. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, L điều khiển chiếc xe mô tô biển số XXX đi đến gặp anh Nguyễn Văn T và cầm cố chiếc xe này cho anh T lấy số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 02/8/2018, anh T đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô biển số XXX (kèm 01 chiếc chìa khoá xe), là xe do anh T nhận cầm cố từ Nguyễn Văn L cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, để điều tra xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản, số: 178/KLĐG ngày 20 tháng 8 năm 2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn trắng- đen, biển số XXX, trị giá: 10.500.000 đồng.

Vụ thứ 2: Sau khi cầm cố chiếc xe mô tô biển số XXX cho Nguyễn Văn L, thì B và H đi xe Buýt về lại thành phố Buôn Ma Thuột (Nguyễn H đã tự đi xe mô tô về trước) và về ở tại nhà H. Vào buổi chiều ngày 29/7/2018, B dùng chiếc điện thoại di động hiệu ITEL màu xanh, gắn Sim số X gọi đến số điện thoại X của L hỏi về chiếc xe mô tô biển số XXX. Sau khi được L cho biết đã đem chiếc xe này đi cầm cố cho người khác, thì B nói cho L biết chiếc xe trên là xe do B trộm cắp mà có và nói L không cần phải chuộc lại. Nghe vậy, L nảy sinh ý định xúi giục B đi trộm cắp xe mô tô rồi bán lại cho L với giá thấp, để L đem đi tiêu thụ cho người khác với giá cao hơn hưởng tiền chênh lệch. Ngày 31/7/2018, L sử dụng chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, gắn Sim số X và số X gọi điện và nhắn tin cho B xúi giục B đi trộm cắp xe mô tô về bán cho L, thì B đồng ý. Khoảng 09 giờ ngày 01/8/2018, B nhờ H chở đến Bệnh viện đa khoa khu vực vùng Tây Nguyên, nhưng B không nói cho H biết mục đích của B đến đây là để trộm cắp xe mô tô. H đồng ý và sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angela, biển số XXX2 chở B. Khi đi đến khu vực giao nhau giữa đường Mai Hắc Đế- Nguyễn Viết Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, trong lúc H dùng

xe chờ đèn tín hiệu giao thông, thì B xuống xe đi bộ, còn H điều khiển xe mô tô quay về nhà. B một mình đi bộ vào trong bãi giữ xe số 2 của bệnh viện và sử dụng chiếc chìa khoá xe mô tô của B (mang theo từ trước) lén lút mở ổ khoá điện của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn trắng- xanh, biển số XXX3 của chị H' N Niê đang gửi tại đây. Sau khi mở được khoá điện của chiếc xe mô tô biển số XXX3, B ngồi lên xe nổ máy và điều khiển ra gần khu vực cổng soát vé. Lúc này, tại cổng soát vé có ông Trần Tấn T1, là nhân viên của bãi giữ xe đang soát vé cho khách. Khi thấy ông T1 không để ý, B liền điều khiển chiếc xe mô tô biển số XXX3 chạy qua cổng soát vé ra ngoài đường Mai Hắc Đế, thành phố Buôn Ma Thuột, tẩu thoát. Sau đó, B điều khiển chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được đi đến tiệm Internet trên đường M, phường T, thành phố B, thì gặp H và rủ H cùng đi đến huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Trên đường đi, B nói cho H biết chiếc xe mô tô biển số XXX3 là xe do B vừa trộm cắp tại Bệnh viện đa khoa khu vực vùng Tây Nguyên. Nghe vậy, H nói “Mày làm gì thì làm, đừng để ảnh hưởng tới tao”, B sử dụng điện thoại di động gọi và nói cho L biết B vừa trộm cắp được chiếc xe mô tô, nhưng nói dối là trộm cắp ở khu vực trường Đại học Tây Nguyên. L hẹn gặp B tại nhà nghỉ Thanh T, địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, để thoả thuận mua bán chiếc xe mô tô B vừa trộm cắp. Khi đến nhà nghỉ Thanh T, B thoả thuận bán chiếc xe mô tô biển số XXX3 cho L với giá 3.000.000 đồng và mượn của L số tiền 200.000 đồng. Việc B và L thoả thuận giá cả mua bán chiếc xe mô tô trên, H không biết. Sau khi đồng ý mua chiếc xe mô tô biển số XXX3 do B trộm cắp, thì L điều khiển chiếc xe này đi hỏi mượn tiền để trả tiền mua xe cho B. Nhưng do không mượn được tiền, nên đến khoảng 18 giờ cùng ngày, L đem chiếc xe mô tô về trả lại cho B và cho B số điện thoại của Trần Hùng C, để B liên lạc bán chiếc xe mô tô biển số XXX3 cho C. B gọi điện thoại cho C nói về việc bán chiếc xe mô tô biển số XXX3, thì C đồng ý mua và hẹn gặp B tại nhà nghỉ V, địa chỉ: đường T, phường T, thành phố B. Sau đó, B điều khiển chiếc xe mô tô biển số XXX3 chở H về lại thành phố Buôn Ma Thuột, để gặp C thoả thuận việc bán xe. Trong lúc B đang chờ C ở nhà nghỉ V, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, phát hiện bắt giữ cùng vật chứng của vụ án, gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn trắng- xanh, biển số XXX3 (kèm 01 chiếc chìa khoá xe), 01 chiếc điện thoại di động hiệu ITEL màu xanh.

Tại bản kết luận định giá tài sản, số: 178/KLĐG ngày 20 tháng 8 năm 2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn trắng- xanh, biển số XXX3 trị giá: 8.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 01/KSĐT- HS, ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố các bị cáo Vũ Văn B và Nguyễn Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Văn B và Nguyễn Văn L khai nhận hành vi các bị cáo đã thực hiện đúng như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và đúng như nội dung Bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Vũ Văn B và Nguyễn Văn L như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Vũ Văn B mức án từ 15 (Mười lăm) đến 18 (Mười tám) tháng tù;

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm i, điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L mức án từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng;

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 30, Điều 106 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự;

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, trao trả: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng- đen, biển số XXX cho anh Phạm Văn T2; trả 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng- xanh, biển số XXX3 cho chị H' N Niê;

- Chấp nhận việc gia đình Vũ Văn B đã tự nguyện bồi thường cho anh Phạm Văn T2 số tiền 2.000.000đ và tự nguyện bồi thường cho chị H'N Niê số tiền 2.000.000đ là tiền chi phí thuê xe đi lại trong thời gian Cơ quan điều tra tạm giữ xe mô tô của anh T2 và chị H'N để điều tra;

- Chấp nhận việc Nguyễn Văn L đã trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền 5.000.000đ, là tiền anh T đã đưa cho L khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số XXX

- Chấp nhận việc Nguyễn Văn L không yêu cầu Vũ Văn B bồi thường số tiền 4.000.000đ, là tiền L đưa cho B khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số XXX và 200.000đ tiền B mượn của L;

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu ITEL màu xanh (số Imei 1: 35492076425722; số Imei 2: 354942076425730) của Vũ Văn B và 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen (số Imei 1: 355812098130569, số Imei 2: 355813098130567) của Nguyễn Văn L là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội;

- Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc chìa khoá xe mô tô (trên phần nhựa màu đen đều có ghi dòng chữ YAMAHA); 03 Sim điện thoại là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội và chiếc biển số giả 47P7- 0354.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước 4.000.000đ của Vũ Văn B, là tiền B hưởng lợi từ việc cầm cố xe mô tô XXX.

Các bị cáo khác không có ý kiến gì tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của các bị cáo, xét thấy: Vào khoảng thời gian từ ngày 23/7/2018 đến ngày 01/8/2018, tại bãi giữ xe của Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên, Vũ Văn B đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn trắng- đen, biển số XXX, trị giá: 10.500.000 đồng của anh Phạm Văn T2 và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn trắng- xanh, biển số XXX3, trị giá: 8.500.000 đồng của chị H' N Niê đang gửi tại bãi giữ xe của bệnh viện. Sau khi trộm cắp được tài sản, B đem xe mô tô biển số XXX3 đến tiêu thụ cho Nguyễn Văn L như đã hứa hẹn trước. Sau đó hành vi của các bị cáo bị phát hiện, xử lý.

Như vậy hành vi các bị cáo Vũ Văn B, Nguyễn Văn L thực hiện đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an của xã hội. Các bị cáo đều nhận thức được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm đều bị pháp luật trừng trị. Tuy nhiên do ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền bằng con đường bất chính mà các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

Đối với bị cáo Vũ Văn B, bị cáo là người trực tiếp thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là 19.000.000đ, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Đối với bị cáo Nguyễn Văn L, bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo B thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô biển số XXX3, trị giá: 8.500.000 đồng, tuy nhiên tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo ít nguy hiểm hơn so với bị cáo B, do đó mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo thấp hơn so với bị cáo B là phù hợp.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu; sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại; do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 của

Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Với tính chất mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly bị cáo Vũ Văn B ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội; không cần thiết phải cách ly bị cáo Nguyễn Văn L ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng chế định miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện để bị cáo cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp.

Trong vụ án này, ngoài hành vi trộm cắp tài sản, thì Nguyễn Văn L còn có hành vi nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số XXX từ Vũ Văn B. Tuy nhiên, khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô này L chưa biết đây là tài sản do B phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Vũ Quốc H, sau khi bị cáo Vũ Văn B trộm cắp được tài sản thì B có nói cho H biết, đồng thời dùng xe mô tô trộm cắp được chở Huy đi chơi; ngoài ra, B còn sử dụng số tiền cầm cố chiếc xe mô tô biển số XXX để chi trả tiền ăn uống cho H và B. Tuy nhiên, H không giúp sức cho B tiêu thụ tài sản phạm tội, không biết việc B sử dụng tiền do phạm tội mà có để chi trả tiền ăn uống cho H và hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Văn B bị truy tố theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy, hành vi nêu trên của Vũ Quốc H không cấu thành tội phạm, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn T là người đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số XXX từ Nguyễn Văn L, nhưng anh T không biết đây là tài sản do người khác phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Trương Văn Th là người đã giới thiệu cho Nguyễn Văn L cầm cố chiếc xe mô tô biển số XXX từ Vũ Văn B; Trần Hùng C là người liên quan đến việc tiêu thụ chiếc xe mô tô biển số XXX3 cho Vũ Văn B. Do Cơ quan điều tra chưa làm việc được với Th và C, nên đã tách hành vi của C và Th ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Vũ Văn B, căn cứ khoản 1 Điều 21, Nghị định 167/NĐ – CP, ngày 12/11/2013 của Chính phủ, Cơ quan Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Vũ Văn B.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo và các đương sự khác không có ý kiến và khiếu nại về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

- Chấp nhận việc gia đình bị cáo Vũ Văn B tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho anh Phạm Văn T2; số tiền 2.000.000đ và tự nguyện bồi thường cho chị H'N Niê số tiền 2.000.000đ là tiền chi phí thuê xe đi lại trong thời gian Cơ quan điều tra tạm giữ xe mô tô của anh T2 và chị H'N để điều tra;

- Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Văn L đã bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 5.000.000đ, là tiền anh T đã đưa cho L khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số XXX;

- Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Văn L không yêu cầu bị cáo Vũ Văn B phải bồi thường số tiền 4.000.000đ, là tiền Linh đưa cho Bảo khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số XXX; Đối với số tiền 200.000đ bị cáo Vũ Văn B mượn của Nguyễn Văn L, L không có yêu cầu giải quyết do đó không đề cập giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng giao trả 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng- đen, biển số XXX cho anh Phạm Văn T2; trả: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng- xanh, biển số XXX3 cho chị H' N Niê;

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu ITEL màu xanh (số Imei 1: 35492076425722; số Imei 2: 354942076425730) của Vũ Văn B và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen (số Imei 1: 355812098130569, số Imei 2: 355813098130567) của Nguyễn Văn L là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội;

- Tịch thu, tiêu hủy 02 chiếc chìa khóa xe mô tô (trên phần nhựa màu đen đều có ghi dòng chữ YAMAHA) của Vũ Văn B; 03 Sim điện thoại là công cụ các bị cáo Vũ Văn B, Nguyễn Văn L dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng;

- Tịch thu, tiêu hủy 01 biển số XXX3 là biển số giả;

- Truy thu, sung Ngân sách Nhà nước của Vũ Văn B số tiền 4.000.000đ là tiền Bảo thu lợi bất chính từ việc cầm cố xe mô tô biển số XXX.

(Đặc điểm, số lượng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/11/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột).

[4] Về án phí:

Các bị cáo Vũ Văn B, Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Vũ Văn B 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, ngày 02/8/2018.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm h, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

[3] **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

- Chấp nhận việc gia đình bị cáo Vũ Văn B tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho anh Phạm Văn T2 số tiền 2.000.000đ và tự nguyện bồi thường cho chị H’N Niê số tiền 2.000.000đ là tiền chi phí thuê xe đi lại trong thời gian Cơ quan điều tra tạm giữ xe mô tô của anh T2 và chị H’N để điều tra;

- Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Văn L đã bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 5.000.000đ, là tiền anh T đã đưa cho L khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số XXX;

- Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Văn L không yêu cầu bị cáo Vũ Văn B phải bồi thường số tiền 4.000.000đ, là tiền L đưa cho B khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số XXX; Đối với số tiền 200.000đ bị cáo Vũ Văn B mượn của Nguyễn Văn L, L không có yêu cầu giải quyết do đó không đề cập giải quyết.

* **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng giao trả 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng- đen, biển số XXX cho anh Phạm Văn T2; trả 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng- xanh, biển số XXX3 cho chị H’ N Niê;

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu ITTEL màu xanh (số Imei 1: 35492076425722; số Imei 2: 354942076425730) của Vũ Văn B

và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen (số Imei 1: 355812098130569, số Imei 2: 355813098130567) của Nguyễn Văn L;

- Tịch thu, tiêu hủy 02 chiếc chìa khóa xe mô tô (trên phần nhựa màu đen đều có ghi dòng chữ YAMAHA) của Vũ Văn B; 03 Sim điện thoại của Vũ Văn B và Nguyễn Văn L;

- Tịch thu, tiêu hủy 01 biển số XXX3 là biển số giả;

- Truy thu, sung Ngân sách Nhà nước của bị cáo Vũ Văn B số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

(Đặc điểm, số lượng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/11/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột).

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Vũ Văn B, Nguyễn Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- UBND xã C;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- THA DS. TP B;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương